TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **01**/2021/DS-ST Ngày: 21/01/2021 "V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thiện.

Bà H Bliăk Niê.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn 06, xã E, huyện C, tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh L, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn 04, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1974, địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Lê Thị Đ (nguyên đơn) và bà Dương Thị N (bị đơn) có quan hệ vay mượn, cụ thể: Ngày 19/4/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn 220.000.000đồng, thời hạn trả nợ thỏa thuận bằng miệng hẹn đến ngày 19/4/2018 sẽ trả, lãi suất thỏa 4.000.000đồng/100.000.000đồng/tháng. Khi vay các bên không giao tài sản làm tin, không có người chứng kiến. Ngoài khoản vay này các bên không còn khoản vay nào khác. Đến ngày 10/7/2019 bị đơn mới trả cho nguyên đơn

100.000.000đồng tiền gốc (khi trả không viết biên bản giao nhận và không có người làm chứng), số nợ còn lại 120.000.000đồng bị đơn hẹn vài ngày sau sẽ trả, nhưng đến nay bị đơn vẫn không trả cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 120.000.000đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm của từng số nợ kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử là 68.191.717đồng. Ngoài khoản vay này các bên không còn khoản vay nào khác.

Đối với chứng cứ khởi kiện có ghi tên "Đ N", nguyên đơn xác định số tiền này là của nguyên đơn Đ cho bị đơn N vay, không liên quan đến thành viên khác trong gia đình, tên "Đ N" là cách gọi của người địa phương khi gọi tên nguyên đơn cho dễ phân biệt.

*** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn trình bày như sau:**

Bị đơn và nguyên đơn có quan hệ vay mượn, quen biết. Đây là lần đầu tiên bị đơn vay tiền của nguyên đơn.

Ngày 19/4/2017 bị đơn có đến nhà nguyên đơn vay số tiền 220.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận bằng miệng khoảng 01 tháng, mục đích vay dùm cho người khác vay lại. Giấy vay là do bị đơn viết, ký xác nhận nợ, bị đơn ghi trong giấy vay tiền "N D" là tên vợ chồng bị đơn khi gọi một mình bị đơn nhưng thực chất có một mình bị đơn vay, chồng không biết nhưng đến khi không có trả thì bị đơn mới nói với chồng là ông Dũng để tìm cách trả nợ, cũng như "Đ N" là cách gọi của người địa phương chứ lúc mượn chỉ có bà Đ không có ông N tham gia.

Đối với số tiền này tháng 6/2017 bị đơn bán đất đã trả hết 01 lần 220.000.000đồng tiền gốc và trả hai lần lãi tổng cộng là 17.600.000đồng.

Khi trả nợ do tin tưởng nên các bên không viết biên bản giao nhận, chỉ đưa tay không có người làm chứng. Bị đơn chỉ nói nguyên đơn gạch sổ dùm và được nguyên đơn đồng ý.

Khi vay bị đơn không giao tài sản làm tin. Số nợ trên bị đơn đã trả hết nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 120.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vay có thỏa thuận thời hạn trả nợ bằng miệng, nhưng không thống nhất được thời gian trả nợ; các đương sự không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận nêu trên nên cần xem xét thời hạn trả nợ do nguyên đơn trình bày là 12 tháng kể từ ngày vay để xác định thời hiệu khởi kiện. Như vậy kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp đến ngày nguyên đơn khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 184 BLTTDS.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 19/4/2017, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 220.000.000đồng, thời hạn trả nợ thỏa thuận bằng miệng vào ngày 19/4/2018, quá hạn bị đơn mới trả 100.000.000đồng tiền gốc, còn nợ lại 120.000.000đồng đến nay vẫn không trả là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

[4.1] Xét việc bị đơn thừa nhận giấy vay tiền đề ngày 19/4/2017 là do bị đơn viết và ký nhưng tháng 6/2017 bị đơn đã trả hết 220.000.000đồng tiền gốc và 17.600.000đồng tiền lãi, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Đồng thời bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ nên không có căn cứ xem xét, mà cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy quyền và lợi ích của các bên đương sự đều được pháp luật bảo vệ; bị đơn đã vi phạm thoả thuận trả nợ cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc theo như chứng cứ cũng như yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

[4.2] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì mức lãi suất các bên thỏa thuận 4%/tháng là vượt quá quy định pháp luật. Tuy nhiên quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử của từng số nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận cụ thể:

- 220.000.000đồng x (19/4/2017-10/7/2019) x10%/năm = 49.559.129đồng.
- 120.000.000đồng x (11/7/2019 -21/01/2021) x10%/năm = 18.632.588đồng.

Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là: 188.191.717đồng (trong đó gốc là 120.000.000đồng, lãi là 68.191.717đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của BLDS 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Dương Thị N có nghĩa vụ nộp 9.409.585đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Đ số tiền 3.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ.

Buộc bị đơn bà Dương Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Đ tổng số tiền là: 188.191.717đồng (trong đó gốc là 120.000.000đồng, lãi là 68.191.717đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của BLDS 2015.

- Về án phí:

Bị đơn bà Dương Thị N có nghĩa vụ nộp 9.409.585đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Đ số tiền 3.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2019/0011001 ngày 28/9/2020.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH